



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SUDICO

Địa chỉ: Tầng M3, Toà nhà CT1, KĐT Mỹ Đình , P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 0437875568; Fax: 0437875569; Email: Info@sudicodv.vn; Website: www.sudicodv.vn

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016 V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015

Kính gửi: **Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty CP Dịch vụ SUDICO.**

Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ SUDICO; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty; Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐQT ngày 21/7/2015 của Hội đồng quản trị Công ty về việc kiểm toán tài chính năm 2015 và kết quả Báo cáo kiểm toán tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Dịch vụ SUDICO đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Dịch vụ SUDICO năm 2016, xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam.

(Có Báo cáo tài chính năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam kèm theo).

Trân trọng cảm ơn !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Lê Ninh



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited Tel : + 84 4 3831 5100
8th Floor, CornerStone Building Fax: + 84 4 3831 5090
16 Phan Chu Trinh Street ey.com
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Số tham chiếu: 60837769/16389308

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sudico

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sudico ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 1 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

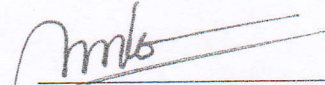
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Lê Thị Tuyết Mai

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1575-2013-004-1



Phùng Mạnh Phú

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2598-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 1 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		35.732.033.164	45.850.221.076
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	7.856.120.668	905.600.579
111	1. Tiền		4.856.120.668	905.600.579
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	-
130	<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		24.520.600.543	40.696.331.255
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	23.818.115.904	38.427.753.883
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	579.280.644	594.333.044
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	3.000.000.000	3.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.033.672.351	508.610.316
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 5.2, 6.9	(3.910.468.356)	(1.834.365.988)
140	<i>III. Hàng tồn kho</i>	8	1.567.112.729	1.913.422.751
141	1. Hàng tồn kho		4.951.241.037	5.297.551.059
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.384.128.308)	(3.384.128.308)
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>		1.788.199.224	2.334.866.491
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		116.271.974	302.074.950
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		154.553.257	-
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	9	1.517.373.993	2.032.791.541
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.463.325.020	964.487.559
220	<i>I. Tài sản cố định</i>		52.607.079	57.969.997
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	52.607.079	57.969.997
222	Nguyên giá		465.338.500	430.338.500
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(412.731.421)	(372.368.503)
260	<i>II. Tài sản dài hạn khác</i>		1.410.717.941	906.517.562
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		137.367.778	89.909.920
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.3	1.273.350.163	816.607.642
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		37.195.358.184	46.814.708.635

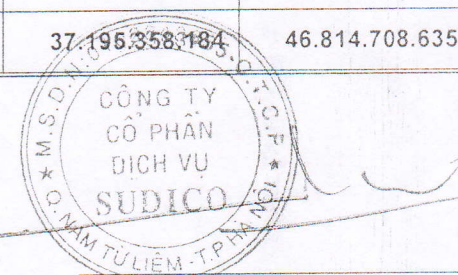
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		17.569.416.883	27.680.686.481
310	I. Nợ ngắn hạn		15.975.915.957	26.129.344.407
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	5.056.596.970	3.927.234.274
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11.2	1.315.799.911	201.310.980
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.472.321.487	3.562.758.190
314	4. Phải trả người lao động		3.489.081.118	3.285.125.893
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	508.375.039	1.458.823.689
318	6. Doanh thu chưa thực hiện		970.419.411	896.380.148
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	14	1.966.475.746	11.455.914.294
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.196.846.275	1.341.796.939
330	II. Nợ dài hạn		1.593.500.926	1.551.342.074
337	2. Phải trả dài hạn khác	14	528.635.650	486.476.798
342	3. Dự phòng dài hạn khác	15	1.064.865.276	1.064.865.276
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		19.625.941.301	19.134.022.154
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	19.625.941.301	19.134.022.154
411	1. Vốn cổ phần	16.3	15.000.000.000	15.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	16.4	1.717.078.610	1.625.434.024
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.908.862.691	2.508.588.130
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		375.298.958	217.473.188
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		2.533.563.733	2.291.114.942
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		37.195.358.184	46.814.708.635

m n u l

Tạ Thị Kim Hoa
Kế toán trưởng



Lê Mạnh Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 1 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

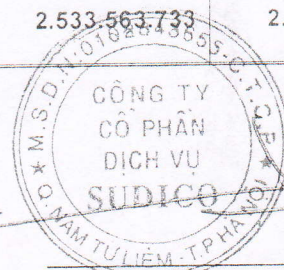
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	49.216.878.343	50.444.158.865
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	49.216.878.343	50.444.158.865
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(37.732.977.429)	(40.076.321.127)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.483.900.914	10.367.837.738
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	43.728.433	6.037.030
22	6. Chi phí tài chính		(8.871.528)	-
25	7. Chi phí bán hàng	19	(20.363.636)	-
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(8.164.156.738)	(6.842.111.183)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.334.237.445	3.531.763.585
31	10. Thu nhập khác		-	-
32	11. Chi phí khác		(34.877.264)	(438.755.725)
40	12. Lỗ khác		(34.877.264)	(438.755.725)
50	13. Tổng lợi nhuận trước thuế		3.299.360.181	3.093.007.860
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(1.222.538.969)	(1.016.377.173)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	21.3	456.742.521	214.484.255
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.533.563.733	2.291.114.942

monel

Tạ Thị Kim Hoa
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 1 năm 2016



Lê Mạnh Thăng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		3.299.360.181	3.093.007.860
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10	40.362.918	52.432.066
03	Các khoản dự phòng		2.076.102.368	979.057.724
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(43.728.433)	(6.037.030)
06	Chi phí lãi vay		8.871.528	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.380.968.562	4.118.460.620
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		14.459.935.692	(9.861.965.737)
10	Giảm hàng tồn kho		346.310.022	417.505.607
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(10.240.839.163)	6.396.241.108
12	Giảm chi phí trả trước		138.345.118	406.831.669
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21.2	(1.090.790.268)	(1.083.603.822)
15	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		-	391.282.858
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(236.038.307)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.757.891.656	784.752.303
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(35.000.000)	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		43.728.433	6.037.030
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		8.728.433	6.037.030
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.816.100.000)	(833.625.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.816.100.000)	(833.625.000)